

Vĩ mô đầu tuần: Bầu cử Mỹ, lãi suất điều hành Fed; số liệu kinh tế Việt Nam tháng 10

Phạm Vũ Thăng Long
Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Tại Mỹ, người dân sẽ lựa chọn giữa ông Trump và bà Harris trong cuộc bầu cử dự kiến sẽ rất căng thẳng; Fed cũng nhiều khả năng sẽ giảm 25 điểm cơ bản sau lãi suất điều hành sau khi cắt giảm 50 điểm cơ bản vào tháng 9/2024.
- Tại Trung Quốc, số liệu thương mại và CPI sẽ được công bố. Trong đó, thị trường dự báo CPI tăng 0,6% trong tháng 10/2024, một phần do mức nền thấp.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam sẽ công bố số liệu kinh tế tháng 10/2024 vào thứ tư. HSC dự báo tăng trưởng KNXX và KNNK sẽ tăng tốc lên lần lượt 13,9% và 14,8% nhờ hoạt động sản xuất đã hoàn toàn hồi phục sau bão Yagi. CPI dự báo sẽ tăng nhẹ lên 2,92% so với cùng kỳ trong tháng 10/2024 do giá dầu thô hồi phục trong bối cảnh xung đột ở Trung Đông leo thang.

Những số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần

Tại Mỹ, thị trường sẽ hướng tới cuộc bầu cử ở Mỹ vào thứ ba với sẽ lựa chọn giữa hai ứng viên tổng thống là ông Trump và bà Harris trong cuộc đua dự kiến sẽ rất căng thẳng. Theo các cuộc thăm dò, không có ứng cử viên nào dẫn trước hơn một điểm, điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của đại cử tri trong việc quyết định kết quả cuối cùng. Bảy bang chiến trường, bao gồm Pennsylvania, Michigan & Wisconsin, dự kiến sẽ đóng vai trò quyết định. Trong khi đó, thông báo về chính sách tiền tệ của Fed đã được lên lịch lại vào thứ năm, tránh ngày bầu cử; thị trường hiện đang dự đoán Fed sẽ cắt giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành sau khi giảm 50 điểm cơ bản vào tháng 9/2024. Những số liệu quan trọng của Mỹ, bao gồm chỉ số niềm tin tiêu dùng của Michigan & chỉ số PMI dịch vụ của S&P, cũng sẽ được theo dõi chặt chẽ.

Tại Trung Quốc, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ được chú ý với kỳ vọng về việc nâng cao mục tiêu thâm hụt ngân sách để đẩy mạnh kích thích tài khóa. Số liệu thương mại & CPI của Trung Quốc sẽ được công bố với dự báo CPI tăng 0,6% so với cùng kỳ trong tháng 10/2024.

Tại Việt Nam, Tổng cục Thống kê sẽ công bố số liệu kinh tế tháng 10/2024 vào thứ tư. HSC dự báo tăng trưởng KNXX và KNNK sẽ tăng tốc lên lần lượt 13,9% và 14,8% so với cùng kỳ nhờ hoạt động sản xuất đã hoàn toàn hồi phục sau bão Yagi. CPI dự báo sẽ tăng nhẹ lên 2,92% so với cùng kỳ trong tháng 10/2024 do giá dầu thô hồi phục trong bối cảnh xung đột ở Trung Đông leo thang. Tuần trước, tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) giảm xuống 25.269 (giảm 0,19%), kết thúc 6 tuần mất giá liên tiếp của đồng VND. NHNN tiếp tục phát hành tín phiếu qua thị trường OMO và đã rút thành công 123,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, với lãi suất cho vay qua đêm LNH tăng lên gần 4%. Trong khi đó, chỉ số VN Index tăng nhẹ 0,2%, đóng cửa tại 1.254,89 điểm – kết thúc 2 tuần giảm điểm liên tiếp.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/11.

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, Trung Quốc, EU & Việt Nam

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
1-11-24	Mỹ: Số lượng việc làm phi nông nghiệp (T10-24)	223,000	12,000.0	113,000
	Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (T10-24, %)	4.1	4.1	4.1
	Mỹ: PMI sản xuất (T10-24, chính thức)	47.3	48.5	47.8
4-11-24	EU: PMI sản xuất (T10-24, chính thức)	45.0		45.9
5-11-24	Trung Quốc: PMI dịch vụ (T10-24)	50.3		50.5
6-11-24	Bầu cử tổng thống Mỹ			
	Việt Nam: KNXX (T10-24, y/y%)	10.8		13.9
	Việt Nam: KNNK (T10-24, y/y%)	11.1		14.8
	Việt Nam: Cán cân thương mại (T10-24, USD)	2.3 tỷ		2.9 tỷ
	Việt Nam: CPI (T10-24, y/y%)	2.63		2.92
	Việt Nam: Doanh số bán lẻ (T10-24, y/y%)	7.6		7.0
	Việt Nam: Giá trị sản xuất công nghiệp (T10-24, y/y%)	10.8		9.5
	EU: PMI dịch vụ (T10-24, chính thức)	51.4		51.2
7-11-24	Trung Quốc: KNXX (T10-24, y/y %)	2.4		5.5
	Trung Quốc: KNNK (T10-24, y/y %)	0.3		-0.3
	T. Quốc: Cán cân thương mại (T10-24, USD)	81.7 tỷ		73.5 tỷ
8-11-24	Quyết định lãi suất của Fed	4.75-5.00		4.50-4.75
	Mỹ: Niềm tin của người tiêu dùng (T11-24, sơ bộ)	70.5		70.0
9-11-24	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T10-24, y/y%)	0.4		0.6
	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T10-24, m/m%)	0.0		0.1

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Việt Nam

Tổng cục Thống kê sẽ công bố số liệu kinh tế tháng 10/2024 vào thứ tư. HSC dự báo tăng trưởng KNXXK và KNNK sẽ tăng tốc lần lượt 13,9% và 14,8% so với cùng kỳ nhờ hoạt động sản xuất đã hoàn toàn hồi phục sau bão Yagi. CPI dự báo sẽ tăng nhẹ lên 2,92% so với cùng kỳ trong tháng 10/2024 do giá dầu thô hồi phục trong bối cảnh xung đột ở Trung Đông leo thang. Tuần trước, tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) giảm xuống 25.269 (giảm 0,19%), kết thúc 6 tuần mất giá liên tiếp của đồng VND. NHNN tiếp tục phát hành tín phiếu qua thị trường OMO và đã rút thành công 123,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, với lãi suất cho vay qua đêm LNH tăng lên gần 4%. Trong khi đó, chỉ số VN Index tăng nhẹ 0,2%, đóng cửa tại 1.254,89 điểm – kết thúc 2 tuần giảm điểm liên tiếp.

Số liệu kinh tế tháng 10/2024

Hoạt động thương mại

Trong tháng 10/2024, HSC dự báo tăng trưởng KNXXK và KNNK sẽ tăng tốc lần lượt 13,9% và 14,8% so với cùng kỳ nhờ hoạt động sản xuất đã hoàn toàn hồi phục sau bão Yagi (Mời xem: [Thương mại hưởng lợi trong bối cảnh căng thẳng giữa Trung Quốc và EU](#), 21/10/2024, HSC).

Lạm phát

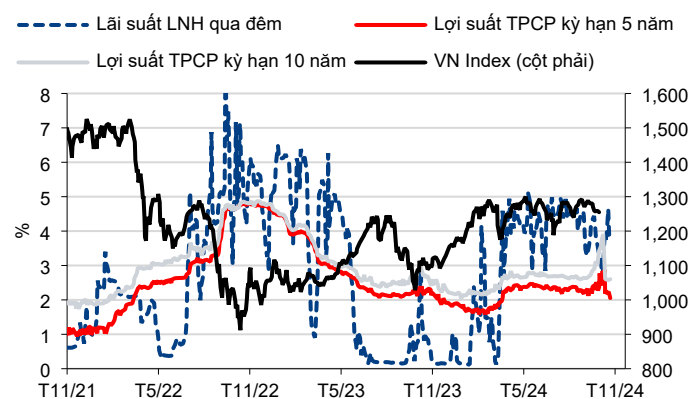
Về mặt giá cả, HSC dự báo CPI tăng nhẹ lên 2,92% so với cùng kỳ trong tháng 10/2024 do giá dầu thô hồi phục trong bối cảnh xung đột ở Trung Đông leo thang (Mời xem: [CPI có thể tăng nhẹ trong tháng 10 do giá dầu](#), 10/10/2024, HSC).

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 2 và 3.

Biểu đồ 2: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

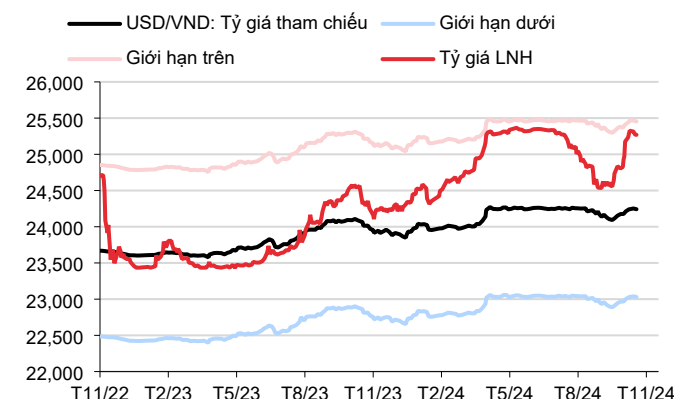
Chỉ số VN Index tăng 0,2% và đóng cửa tại 1.254,89 điểm



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 3: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) giảm 0,19% còn 25.269



Nguồn: CEIC, HSC

Bảng 4: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	24,950	24,850	24,750
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,418	3,451	3,438
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.20	6.50	6.50
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	452	500	551
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,467	4,900	5,347
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.42	5.00	4.54
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	40.1	39.2	38.3
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.8	36.2	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.08	4.46	3.54	2.81	2.57
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	137.7	142.4	146.8
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.25	4.25
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	3.5	3.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	90	105	121
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.6	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.2	27.1	30.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	25.0	25.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	384	430	477
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	17.5	12.0	11.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	408	457	507
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	15.0	12.0	11.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	165	180	195
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	36.0	35.4
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.3	28.3	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn